

"CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI, SẢN PHẨM ĐA DẠNG
- TẤT CẢ TRONG TẦM TAY!"

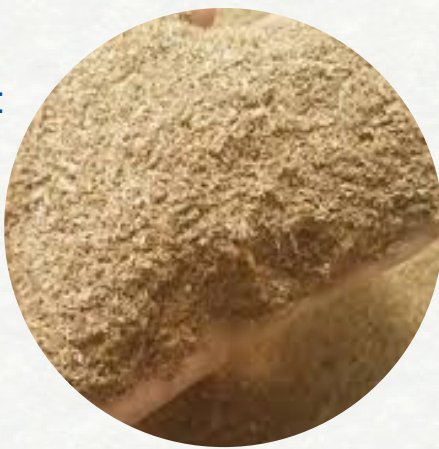
DANH MỤC NGUYÊN LIỆU & PHỤ GIA CHĂN NUÔI THỦY SẢN

1

Bã hèm bia 28% đạm (Brewer's Spent Grain 28% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 28%
- Béo (Lipid): 5-10%
- Xơ (Fiber): 15-20%
- Tro (Ash): 3-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



2

Bột huyết 90% đạm (Blood Meal 90% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 90%
- Béo (Lipid): 0.5-1.5%
- Xơ (Fiber): Dưới 1%
- Tro (Ash): 3-5%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



3

Bã mì lên men 30% đạm (Fermented Cassava Residue 30% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 30%
- Béo (Lipid): 2-5%
- Xơ (Fiber): 12-15%
- Tro (Ash): 5-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



4

Bã đậu nành lên men 60% đạm (Fermented Soybean 60% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 60%
- Béo (Lipid): 2-5%
- Xơ (Fiber): 5-8%
- Tro (Ash): 4-6%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



5

Nành lên men 50% đạm (Fermented Soybean 50% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 50%
- Béo (Lipid): 1-3%
- Xơ (Fiber): 5-8%
- Tro (Ash): 4-6%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



6

Bã gluten ngô 18% đạm (Corn gluten feed 18% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 18%
- Béo (Lipid): 3-5%
- Xơ (Fiber): 5-10%
- Tro (Ash): 5-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



7

Bột gan mực 45% đạm (Squid Liver Meal 45% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 45%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): Dưới 3%
- Tro (Ash): 3-5%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



8

Bã dầu đậu phộng 40% đạm (Peanut Meal 40% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): 10-12%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



9

Men bia đậm từ 40% đến 50% (Brewer's Yeast 40% to 50% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40-50%
- Béo (Lipid): 5-10%
- Xơ (Fiber): 5-8%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



10

Bột xương thịt 50% đậm (Meat and Bone Meal 50% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 50%
- Béo (Lipid): 10-15%
- Xơ (Fiber): Dưới 1%
- Tro (Ash): 25-30%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



11

Bột vỏ tôm 40% đậm (Shrimp Shell Meal 40% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Béo (Lipid): 1-3%
- Xơ (Fiber): 5-10%
- Tro (Ash): 20-25%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



12

Bột lông vũ 80% đậm (Feather Meal 80% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 80%
- Béo (Lipid): 4-8%
- Xơ (Fiber): 2-5%
- Tro (Ash): 10-15%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



13

Bắp lên men 35% đậm (Corn gluten meal 35% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 35%
- Béo (Lipid): 2-5%
- Xơ (Fiber): 10-15%
- Tro (Ash): 3-6%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



14

Bắp lên men 60% đậm (Corn gluten meal 60% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 60%
- Béo (Lipid): 5-7%
- Xơ (Fiber): 8-10%
- Tro (Ash): 3-5%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



15

Bột cá Peru 67% đậm (Peruvian Fish Meal 67% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 67%
- Béo (Lipid): 8-10%
- Xơ (Fiber): 1-2%
- Tro (Ash): 17%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



16

Bột gia cầm 65% đậm (Poultry Meal 65% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 65%
- Béo (Lipid): 8-10%
- Xơ (Fiber): 1-2%
- Tro (Ash): 12-16%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



17

Bắp ủ chua (Silage Corn)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): Khoảng 8-12% (tùy thuộc vào quá trình lên men)
- Béo (Lipid): 2-4%
- Xơ (Fiber): 15-25%
- Tro (Ash): 3-5%
- Độ ẩm (Moisture): 60-70% (do quá trình ủ chua)



18

Cám gạo trích ly (Extracted Rice Bran)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 12-15%
- Béo (Lipid): 5-8%
- Xơ (Fiber): 5-7%
- Tro (Ash): 6-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



19

Cám gạo lên men
40% đạm (Rice
DDGS 40% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Béo (Lipid): 4-8%
- Xơ (Fiber): 7-9%
- Tro (Ash): 5-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



20

Bã mè 40% đạm
(Sesame Meal 40% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Béo (Lipid): 5-10%
- Xơ (Fiber): 10-15%
- Tro (Ash): 5-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



21

Bột xương 25% đạm
(Bone Meal 25% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 25%
- Béo (Lipid): 8-10%
- Xơ (Fiber): 0-2%
- Tro (Ash): 30-35%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



22

Cám dừa trắng với
25% đạm (Copra
Meal 25% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 25%
- Béo (Lipid): 8-10%
- Xơ (Fiber): 10-12%
- Tro (Ash): 6-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



23

Cám dừa trắng 19%
đạm- béo
cào (Copra Meal 19%
Protein - high lipid)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 19%
- Béo (Lipid): 35%
- Xơ (Fiber): 10-12%
- Tro (Ash): 5-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



24

Cám dừa đen 25%
đạm (Brown copra
Meal 25% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 25%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): 12-15%
- Tro (Ash): 6-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



25

Bột thơm ủ chua
26% đạm
(Fermented
Pineapple Meal 26%
Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 26%
- Béo (Lipid): 4-6%
- Xơ (Fiber): 8-10%
- Tro (Ash): 6-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



26

Bã thơm ủ chua 26%
đạm (Fermented
Pineapple 26%
Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 26%
- Béo (Lipid): 4-6%
- Xơ (Fiber): 8-12%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): 65%



27

Bột cá biển 55%
đạm (Fish Meal 55%
Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 55%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): 0-3%
- Tro (Ash): 20-25%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



28

Bột cá biển 60% đạm
(Fish Meal 60% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 60%
- Béo (Lipid): 10-15%
- Xơ (Fiber): 0-3%
- Tro (Ash): 21%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



29

Bột cá biển 65% đạm (Fish Meal 65% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): ~65%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): 0-2%
- Tro (Ash): 18%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



30

DDGS 26% đạm (Dried Distillers Grains Solubles 26% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 26%
- Béo (Lipid): 8-12%
- Xơ (Fiber): 6-10%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



31

Đạm đơn bào 65% đạm (Single Cell Protein 65% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 65%
- Béo (Lipid): 5-10%
- Xơ (Fiber): 1-3%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



32

Men bia và bã hèm bia hỗn hợp 40% đạm (Brewer's Yeast and Spent Grain Mixture 40% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Béo (Lipid): 6-8%
- Xơ (Fiber): 8-12%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 11%



33

Xuất ăn công nghiệp thừa Hàn Quốc 29% đạm (Korean Industrial By-Product Feed 29% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 29%
- Béo (Lipid): 8%
- Xơ (Fiber): 7%
- Tro (Ash): 7-10%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 12%



34

Bã hèm bia 28% đạm ép viên (Brewer's Spent Grain 28% Protein Pellet)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 28%
- Béo (Lipid): 5-10%
- Xơ (Fiber): 15-20%
- Tro (Ash): 3-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



35

Bắp ủ chua ép viên (Silage Corn pellet)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): Khoảng 8-12% (tùy thuộc vào quá trình lên men)
- Béo (Lipid): 2-4%
- Xơ (Fiber): 15-25%
- Tro (Ash): 3-5%
- Độ ẩm (Moisture): 11%



36

Bã mía lên men 21% đạm (Fermented Sugarcane Pulp 21% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 21%
- Béo (Lipid): 1-3%
- Xơ (Fiber): 20-30%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): 10-15%

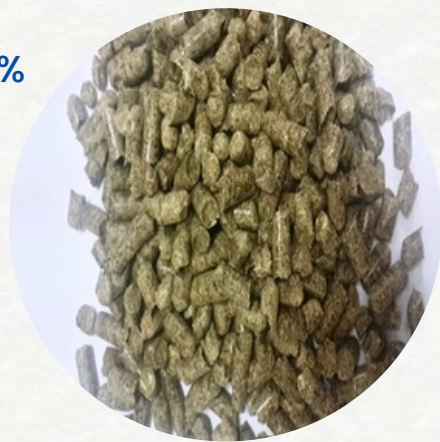


37

Bã thơm ủ chua 26% đạm ép viên (Fermented Pineapple 26% Protein Pellet)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 26%
- Béo (Lipid): 4-6%
- Xơ (Fiber): 8-12%
- Tro (Ash): 5-7%
- Độ ẩm (Moisture): 10%



38

Bã nành Việt Nam 34% đạm (Soybean Meal Vietnam 34% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): ~34%
- Béo (Lipid): 5-7%
- Xơ (Fiber): 10-15%
- Tro (Ash): 6-8%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



39

Bã dầu điều với 36% đạm (Cashew Nut Meal 36% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 36%
- Béo (Lipid): 17%
- Xơ (Fiber): 10%
- Tro (Ash): 4-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



40

Bã hạt hướng dương 35% đạm (Sunflower meal 35% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 35%
- Béo (Lipid): 6-10%
- Xơ (Fiber): 15-20%
- Tro (Ash): 4-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



41

Bã hạt hướng dương 35% đạm ép viên (Sunflower Pellet 35% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 35%
- Béo (Lipid): 6-10%
- Xơ (Fiber): 15-20%
- Tro (Ash): 4-7%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



42

Bột đầu cá cơm với 50% đạm (Anchovy Meal 50% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 50%
- Béo (Lipid): 10-15%
- Xơ (Fiber): 0-2%
- Tro (Ash): 15-20%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



43

Dầu cá hồi (Salmon Oil)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Chất Béo (Lipid): 99%
- Omega-3 (DHA và EPA): 15-25%
- Omega-6: 1-2%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 1%

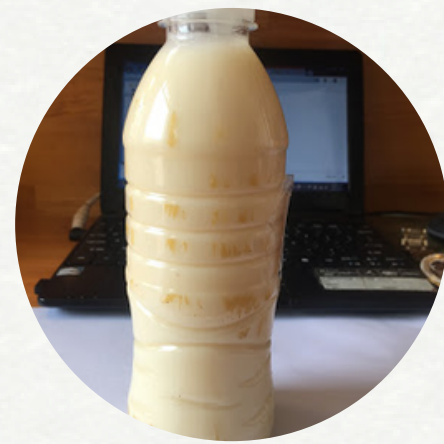


44

Mỡ cá basa (Pangasius Fish Oil)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Chỉ số Acid : ≥ 3 % mgKOH/g
- Độ ẩm : $\geq 0,5$ %
- MP : ≥ 44 %
- Không có tạp chất, màu trắng ngà , mùi đặc trưng



45

BÃ ĐẬU NÀNH ARGENTINA 46% đạm (Soybean meal 46% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- + Độ đạm: 45.5% - 46% min
- + Độ ẩm: 12.5%, max 13%
- + Xơ: 3.5%, max 4%
- Tro: max 3



46

Bắp hạt (Corn)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 8-10%
- Chất Béo (Lipid): 3-5%
- Xơ (Fiber): 2-4%
- Tinh Bột (Carbohydrate): 65-70%
- Tro (Ash): 1-2%
- Độ ẩm (Moisture): 12-14%



47

Sắn Lát (Cassava Chips)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Hàm lượng tinh bột: 70% Min
- Độ ẩm: 15% Max
- Chất xơ: 5% Max
- Tạp chất: 3% Max
- Hình thức: Không có mốc, không có một sống
- Đóng gói: Hàng xá, bao PP 40kg



48

Cám gạo tươi (Rice Bran)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Ẩm độ : 10.5 % max / tươi 12% max
- Đạm 10% min
- Béo : 10% max
- Tinh bột : 45% min
- Tro 6% max



49

Bã cọ 26% đạm(Palm Kernel Meal 26% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 26%
- Chất béo (Fat): 5-8%
- Xơ thô (Fiber): 12-15%
- Độ ẩm (Moisture): <12%
- Vitamin và Axit Amin Thiết Yếu: Vitamin E, Lysine, Methionine, Threonine



50

Bột cá cơm 60% đạm (Anchovy Fish Meal 60% Protein.)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 60%
- Béo (Lipid): 6-10%
- Xơ (Fiber): 1%
- Tro (Ash): 18%
- Độ ẩm (Moisture): Dưới 10%



51

Cám gạo sấy 22% đạm (Dried Rice Bran 22% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm thô (Crude Protein): 22%
- Chất béo thô (Crude Fat): 6%
- Xơ thô (Crude Fiber): 9%
- Tinh bột (Starch): 35%
- Độ ẩm (Moisture): ≤ 10%
- Tro thô (Ash): 6 %



52

Bột Rong Biển Xanh (Natural Green Seaweed Powder)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đặc điểm kỹ thuật:
- Chất liệu: 100% màu xanh lá cây rong biển (ulva lactuca)
- Mosture: 10% Max
- Protein: 13% min
- Màu sắc: Màu xanh đậm
- Loại sản phẩm: Raw/bột



53

Bã cải đắng (Rapeseed meals)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 34%
- Chất Béo (Lipid): 3%
- Xơ (Fiber): 12%
- Tro (Ash): 2%
- Độ ẩm (Moisture): 10%

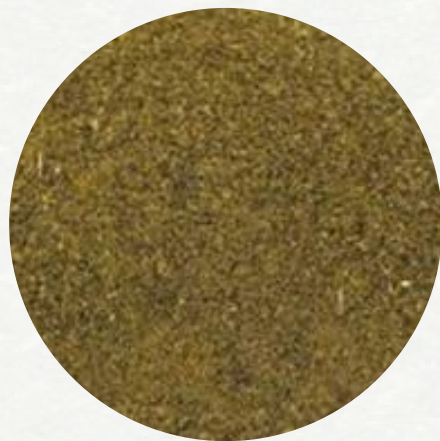


54

Bã cải ngọt (Canola meal)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 36%
- Chất Béo (Lipid): 3%
- Xơ (Fiber): 12%
- Tro (Ash): 2%
- Độ ẩm (Moisture): 10%



55

Bột Cá Basa 60% Đạm (Pangasius Fish meal 60% Protein)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 60%
- Chất Béo (Lipid): 10%
- Xơ (Fiber): 2%
- Tro (Ash): 15%
- Độ ẩm (Moisture): 11%



56

Lúa mì (Wheat)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 14%
- Chất Béo (Lipid): 3-5%
- Xơ (Fiber): 10%
- Tinh Bột (Carbohydrate): 65-70%
- Tro (Ash): 1-2%
- Độ ẩm (Moisture): 12-14%



57

Thủy phân nấm men(Yeast Hydrolysates)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 40%
- Chất Béo (Lipid): 4%
- Xơ (Fiber): 2%
- Tro (Ash): 9%
- Độ ẩm (Moisture): 10%



58

Gluten lúa mì. (Vital Wheat Gluten)

Chỉ Tiêu Dinh Dưỡng:

- Đạm (Protein): 82%
- Chất Béo (Lipid): 4%
- Xơ (Fiber): 2%
- Tro (Ash): 1%
- Độ ẩm (Moisture): 10%

